TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6- T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18- 9- 2025
V/v "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- T

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thi Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Mạnh Sơn, ông Dương Minh Tư.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hà Giang- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6- T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Hoài Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025. Tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6- T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị P T N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu D, xã S, huyện L (*Nay là khu D, xã S),* tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Hải, trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1- tỉnh T.

2- Bị đơn: Anh Đ Q H, sinh năm 1980

Địa chỉ: khu D, xã S, huyện L (Nay là Khu D, xã S), tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Thắm- Trợ giúp viên pháp lý- trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1- tỉnh T.

3- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch L, T

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hoàng- Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch L*(Chị N, ông Hoàng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, bà Thắm, bà Hải đều có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2025 và biên bản bản lấy lời khai ngày 15/5/2025 nguyên đơn chịN trình bày: Chị và anh Đ Q H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L (Nay là xã S), tỉnh T ngày 10/11/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu D, xã S, huyện L Nay là khu D, xã S), tỉnh T. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 4/2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất

đồng về quan điểm sống, anh H uống rượu say về chửi, xúc phạm, không tôn trọng chịN. Mâu thuẫn của vợ chồng được chịN và gia đình hoà giải nhưng không có kết quả, anh H không thay đổi. Do mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng, không khắc phục được nên đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau không quan tâm đến nhau. Nay chịN xác định không còn tình cảm với anh H đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

+ Bị đơn anh H trình bày: anh xác nhận về việc đăng kí kết hôn, như chịN trình bày là đúng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh chị về chung sống ở xã S và làm lao động tự do, quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 4/2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, còn nguyên nhân chính do vợ chồng đi làm ăn mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng xa cách dần, chứ anh không được đánh chửi vợ con như chịN trình bày. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, kể từ đó chịN chặn hết mọi liên hệ với anh không quan tâm tới anh hiện nay vợ chồng mỗi người một nhà không quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng cũng đã tự khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Nay chịN xin ly hôn anh không nhất trí, vì anh vẫn còn tình cảm với chịN nên xin đoàn tụ.

- Về con chung: chị N anh H đều xác nhận anh chị có 02 con chung là: Đ T K O sinh ngày 03/02/2005; Đ P Đ sinh ngày 18/11/2010.

Quá trình giải quyết tại biên bản lấy lời khai chịN có quan điểm đối với con chung là Đ T K O đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết; đối với con chung là cháu Đ P Đ sinh ngày 18/11/2010 kể từ khi ly thân cháu Đức đang ở với chị, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Đối với bị đơn anh H trình bày biên bản lấy lời khai nếu ly hôn đối với con chung là Đ T K O đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết. Đối với con chung là Đ P Đ sinh ngày 18/11/2010 hiện nay đang ở với chịN, nếu ly hôn anh tôn trọng ý kiến của con, cháu ở với ai anh cũng đồng ý. Nếu ở với chịN thì anh sẽ cấp dưỡng nếu chịN yêu cầu. Nếu con ở với anh thì anh không yêu cầu chịN cấp dưỡng mà để chịN tự nguyện.

Tại bản tự khai cháu Đ P Đ có quan điểm: Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu được ở với mẹ.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: ChịN và anh H đều xác định hai vợ chồng đang nợ ngân hàng chính sách xã hội L tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi xuất theo sổ vay vốn và lưu tờ rời theo dõi cho vay vốn ngày 12/11/2020, và đã lãi đã trả hết tháng 7/2025.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2025 chịN có quan điểm: vợ chồng anh chị có vay nợ ngân hàng chính sách xã hội L số tiền gốc là 50.000.000 đồng, lãi suất theo H đồng và đã trả lãi hàng tháng. Ly hôn chị xin tự nguyện trả toàn bộ công nợ chung của vợ chồng (bao gồm nợ gốc và nợ lãi chưa trả) mà đã vay ngân hàng chính sách xã hội L, và không yêu cầu anh H phải thanh toán chênh lệch tiền trả nợ cho chị.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2025 anh H có quan điểm; vợ chồng anh đang nợ ngân hàng chính sách xã hội L tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng nếu ly hôn vợ anh xin tự nguyện trả toàn bộ 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi cho ngân hàng anh cũng đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của vợ anh.

+ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- Ngân hàng chính sách xã hội:* Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hoàng Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội L trình bày: Ngày 12/11/2020 Ngân hàng có cho ông Đ Q H, bà P T N vay tiền gốc 50.000.000 đồng. Lãi suất: 7,92%/năm. Mục đích vay trồng 02 ha cây Quế. Thời hạn trả nợ vào ngày 12/11/2028. Đến ngày 23/7/2025, ông H, bàN chưa trả được tiền lãi cho Ngân hàng còn nợ 5.065.000 đồng. Dư nợ gốc hết ngày 23/7/2025 ông H bàN còn 50.000.000 đồng. Hiện nay ông H, bàN ly hôn, các bên thống nhất người trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng là bàN thì ngân hàng cũng đồng ý. Bà P T N có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh cho ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu bàN thực hiện nghiêm túc việc trả gốc và lãi theo sự tự nguyện nhận nợ của mình. Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

- Về tài sản chung và công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chịN và anh H tại xã S đã xác nhận: Chị P T N anh Đ Q H kết hôn năm 2003. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại khu D, xã S. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mẫu thuẫn, chính quyền địa phương và khu dân cư nắm được vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi, hiện nay chịN sống ở khu Nai, xã S, anh H sống ở khu D, xã S. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng nghe được từ dư luận xã hội thì do anh H hay uống rượu. Nay chịN xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 phát biểu quan điểm:**

- *Về tố tụng dân sự:* Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh H được triệu tập H lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. ChịN vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt chịN và anh H là phù H với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/QH15 ngày 01/7/2025 về bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hoà giải đối thoại tại Toà án. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị P T N được ly hôn anh Đ Q H.

[2]. Về con chung: giao cho chị P T N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đ P Đ, sinh ngày 18/11/2010 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. Anh Đ Q H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chịN tự nguyện không yêu cầu.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện trả nợ của chịN. ChịN có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch L tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất 5.065.000 đồng. Tổng gốc và lãi còn nợ là 55.065.000 đồng (lãi đã tính hết ngày 23/7/2025). Anh H không phải thanh toán tiền chênh lệch về nghĩa vụ trả nợ cho chịN vì chịN tự nguyện không yêu cầu.

Kể từ ngày 24/7/2025, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận tại sổ vay vốn và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay nợ các bên đã ký kết ngày 12/11/2020.

[4]. Về án phí: ChịN là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho chịN theo quy định của pháp luật.

* *Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của nguyên đơn:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn anh Đ Q H. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao co chung là cháu Đ P Đ cho chịN trực tiếp nuôi dưỡng, chịN tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: ChịN đã tự nguyện nhận trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch L, anh H có ý kiến đồng ý với tự nhận của chịN nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

+ Về án phí: ChịN là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình cho chịN.

* *Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của bị đơn:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về con chung: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản và án phí: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa chị P T N và anh Đ Q H là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Bị đơn là anh H có nơi cư trú tại xã S, huyện L (nay là xã S), tỉnh T. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6, T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị P T N và anh Đ Q H đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường H cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân H pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa P T N và anh Đ Q H có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay chịN, anh H đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chịN xin ly hôn là có căn cứ. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn của vợ chồng nên việc anh H không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ là chưa thật tâm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh H.

[2.2]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chịN xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đ P Đ, sinh ngày 18/11/2010 và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết, anh H có ý kiến tuỳ ý cháu Đức lựa chọn cháu muốn ở với ai anh cũng đồng ý, hơn nữa quá trình giải quyết vụ án cháu Đức có ý kiến mong muốn được ở với mẹ là chịN. Do đó cần giao cháu Đức cho chịN trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chịN là phù H. Cháu Đ T K O, đã trưởng thành lao động tự túc nên các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, chịN tự nguyện xin trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch L, anh H có ý kiến đồng ý với việc xin trả 50.000.000 đồng nợ gốc, lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch L. Do chịN tự nguyện nhận trả nợ và anh H đồng ý nên cần công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch L.

Anh H không phải thanh toán tiền chênh lệch về nghĩa vụ trả nợ cho chịN vì chịN tự nguyện không yêu cầu.

[2.4]. Về tài sản chung và công sức: Quá trình giải quyết các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: ChịN là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chịN theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/QH15 ngày 01/7/2025 về bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hoà giải đối thoại tại Toà án.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Điều 26 luật Thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị P T N được ly hôn anh Đ Q H.

[2]. Về con chung: Giao cho chị P T N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đ P Đ, sinh ngày 18/11/2010, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chịN tự nguyện không yêu cầu.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: ChịN có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch L tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất 5.065.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 55.065.000đ *(Năm mươi lăm triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*, lãi đã tính hết ngày 23/7/2025). Anh H không phải thanh toán tiền chênh lệch về nghĩa vụ trả nợ cho chịN vì chịN tự nguyện không yêu cầu.

Kể từ ngày 24/7/2025, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận tại sổ vay vốn và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay nợ các bên đã ký kết ngày 12/11/2020.

4]. Về án phí: ChịN được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân 6 sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 , 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao, nhận hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDKV 6- T;
- Phòng THADSKV 6- T;
- THADS tỉnh T.
- UBND xã S;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Thảo